

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẾN TRE **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HS-PT

Ngày: 22-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn
Ông Phạm Văn Tinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2023/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2023/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/02/2001; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: Tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Võ Thị B; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: có 04 tiền sự:

1. Ngày 22/4/2020, bị Công an xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt);

2. Ngày 20/11/2020, bị Công an xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt);

3. Ngày 17/6/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng;

4. Ngày 07/9/2022, bị Công an xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt

hành chính 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt);

Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 01 thì nghỉ học ở nhà, sinh sống ở địa phương. Từ năm 2020 đến năm 2021 có 03 lần bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 17/6/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng, đến ngày 10/5/2022 thì chấp hành xong quyết định. Ngày 17/7/2023, bị Chủ tịch UBND thị trấn B xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa đóng phạt. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/7/2023, đến ngày 21/8/2023 thì bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1987; Tên gọi khác: Đậu; Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bà Phạm Thị N (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Bé L; Có 01 con sinh năm 2006;

Tiền án: 01 (Ngày 23/6/2021, bị Tòa án nhân huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự); Tiền sự: Có 03 tiền sự:

1. Ngày 21/02/2020, bị Công an thị trấn B xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã nộp phạt);

2. Ngày 22/9/2020, bị Công an thị trấn B xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt);

3. Ngày 16/4/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 14 tháng.

Về nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 6 thì nghỉ học ở nhà, sinh sống ở địa phương. Năm 2020 từng 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 16/4/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 14 tháng. Ngày 23/6/2021, bị Tòa án nhân huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, sau đó chấp hành án tại Trại giam C, huyện G đến ngày 05/5/2022 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/7/2023 tại thị trấn B, huyện B. Đến ngày 27/10/2023 bị bắt tạm giam theo Quyết định bắt và tạm giam số 02/2023/HSST-QĐ ngày 26/10/2023 của TAND huyện Ba Tri tại Trại tạm giam Công an tỉnh B cho đến nay. (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 26/5/2023, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H bàn bạc thống nhất H điều khiển xe mô tô biển số 71C2-541.78 mà H nhận cầm cố của ông Nguyễn Văn S chở T đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực ấp A, xã A, huyện B, cả hai phát hiện chiếc xe đạp điện của cháu Lê Ngọc B1 đang dựng trước cửa hàng thuốc thú y thủy sản 122 trên xe có gắn sẵn chìa khóa và cục sạc điện nên cả hai thống nhất lấy trộm chiếc xe này. Trạng kê H dừng xe lại rồi T xuống xe tiếp cận mở khóa xe rồi T điều khiển xe trộm được, H điều khiển xe biển số 71C2-541.78 phụ đẩy xe trộm được. Sau đó H cầm xe trộm được cho Lê Minh T3 ngụ khu phố A, thị trấn T, huyện B được 2.500.000 đồng, H tiêu xài cá nhân hết thì bị phát hiện.

Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/8/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe đạp mượn của Nguyễn Văn H đi tìm tài sản lấy trộm (H không biết T mượn xe đi trộm cắp tài sản). Khi đến trước nhà của ông Nguyễn Minh T4 tại khu phố D, thị trấn B, huyện B, T thấy cửa rào mở trong sân có cây mai vàng được trồng trong chậu nên T lén lút đột nhập vào lấy trộm cây mai của ông T4 rồi đem về ngôi nhà hoang ở khu phố A, thị trấn B cất giấu thì bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ, gồm:

- 01 xe đạp điện hiệu AZIBIKE, màu sơn đỏ - đen - trắng, khung xe có khắc chìm kí hiệu BMX 1A20171637, phần máy xe có khắc chìm kí hiệu 48V220WJBM và 48V250W20172277962, phần cổ xe dạng cong có gắn đèn màu đỏ - đen, phần phuộc trước (thanh ngang) làm bằng kim loại màu vàng, khung ba ga sau bị trầy tróc sơn, xe đã qua sử dụng và hiện còn sử dụng được. Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho đại diện bị hại là anh Lê Minh Q (cha ruột Lê Ngọc B1).

- 01 cục sạc xe đạp điện màu đen, tem màu đỏ có chữ BMX, trên cục sạc ghi chữ số màu trắng “28.3.22” đã qua sử dụng, chưa xử lý.

- 01 cây mai vàng, cao 66cm, đường kính gốc (hoành) 40cm, tàng rộng 01m. Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Minh T4.

- 01 xe mô tô hiệu Honda màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 71C2-541.78, số máy JA39E-0701675, số khung RLHJA3904HY721523, xe không có gương chiếu hậu bên phải, bên trái có cần nhưng không có gương, phần mũ xe phía trước bị nứt, xe đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho ông Nguyễn Văn S.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐGTS ngày 27/6/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe đạp điện hiệu AZIBIKE, màu sơn đỏ - đen - trắng, khung xe có khắc chìm kí hiệu BMX 1A20171637, phần máy xe có khắc chìm 48V220WJBM và 48V250W20172277962, phần phuộc xe thanh ngang làm bằng kim loại màu vàng, phần ba ga sau bị trầy tróc sơn, tài sản đã qua sử dụng hiện còn sử dụng được trị giá 5.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 68/KL-HĐĐGTS ngày 11/8/2023, Hội

đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 cục sạc xe đạp điện màu đen, tem màu đỏ có chữ BMX, trên cục sạc ghi chữ số màu trắng “28.3.22” đã qua sử dụng trị giá 100.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐGTS ngày 04/8/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 cây mai vàng, cao 66cm, tàng rộng 100 cm, đường kính gốc 40cm, giá trị tài sản trước khi bị trộm trị giá 3.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h, i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/11/2023, bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn H giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Tuyên bố các bị cáo: bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2023.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h, i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2023.

Các bị cáo Trạng, H cùng có lời nói sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định:

Do động cơ thu lợi bất chính, nên vào khoảng 16 giờ 10 phút ngày 26/5/2023 Nguyễn Văn Trạng cùng Nguyễn Văn H đã thực hiện hành vi lấy trộm tài sản là xe đạp điện và cục sạc của cháu Lê Ngọc B1 với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.100.000 đồng. Riêng Nguyễn Văn T còn thực hiện hành vi lấy trộm tài sản là cây mai vàng trị giá 3.000.000 đồng của ông Nguyễn Minh T4 vào lúc 02 giờ 25 phút ngày 08/8/2023 tại khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt là 8.100.000 đồng.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

[2.1] Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự và an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo là người đã trưởng thành và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, mong muốn có tiền tiêu xài nhưng không bỏ công sức lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm thu lợi bất chính.

[2.2] Hành vi của các bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, từng nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa thực hiện đóng phạt và bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất

ma túy. Riêng bị cáo H từng bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản, trong giai đoạn xét xử, mặc dù đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo vẫn vi phạm, không đến Tòa tham dự phiên tòa xét xử nên bị bắt tạm giam để đảm bảo cho việc xét xử. Điều này thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật của bị cáo không tốt. Bị cáo Trọng sau ngày xảy ra vụ án còn tiếp tục có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị xử phạt vi phạm hành chính và vẫn chưa đóng phạt. Điều đó cho thấy các bị cáo là người khó cải tạo, giáo dục nên việc cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trọng phạm tội có 02 tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên”; “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” theo điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo H phạm tội có 02 tình tiết tăng nặng là “Tái phạm”, “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” theo điểm h, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[2.4] Các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng: Các bị cáo phạm tội nhưng tài sản giá trị không lớn và bị hại đã nhận lại được tài sản, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị khi lượng hình. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết nào mới có ý nghĩa trong việc xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tuyên mức án 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Trọng và mức án 02 năm tù đối với bị cáo H là phù hợp, kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các nội dung khác của Quyết định Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm (theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố

tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H; Giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Trọng 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h, i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Hậu 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2023.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân h.Ba Tri (3b);
- Công an h.Ba Tri (1b);
- VKSND h.Ba Tri (1b);
- Chi cục THADS h.Ba Tri (1b);
- UBND xã Thạnh Đông A (h.Tân Hiệp – Kiên Giang);
- UBND thị trấn Ba Tri, Bến Tre;
- Những người tham gia tố tụng (12b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa GD và NCTN, VP.TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt